TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung và ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hợp là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025; Về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 273/TB-TA ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc G, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ F, khóm B, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị G1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông L chung sống với nhau năm 2024, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là UBND xã V, tỉnh An Giang), theo giấy chứng nhận kết hôn số 165/2024 ngày 27/9/2024. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau về việc tiền bạc và nhiều việc khác trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà và

ông L ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai 13/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà G1 chung sống với nhau năm 2024, do tự tìm hiểu, quen biết nhau, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bà G1 yêu cầu ông phải đồng thuận theo ý của bà G1 trong mọi việc. Ông và bà G1 ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà G1 nên ông đồng ý ly hôn với bà G1.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà G1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông L vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G1. Cho bà G1 được ly hôn với ông L. Về con chung: Không có nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà G1, ông L không yêu cầu nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Bà G1 khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông L nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn"*. Ông L có nơi cư trú tại ấp B, xã V, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ

án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bà G1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà G1 và ông L kết hôn vào năm 2024, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế bà G1 và ông L đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 12/2024 đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà G1 yêu cầu ly hôn do bà không còn tình cảm với ông L, mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và bà từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, bà G1 cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía ông L cũng đồng ý ly hôn với bà G1. Ngoài ra, những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì ông L đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông L không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà G1.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà G1 và ông L. Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2025 đại diện Ban Ấ cho biết quá trình chung sống bà G1 và ông L có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B ấp không biết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G1. Cho bà G1 được ly hôn với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà G1 và ông L không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà G1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 260 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc G.

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Ngọc G được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Bà Trần Ngọc G và ông Nguyễn Văn L không có con chung nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009677 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Ngọc G, ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến